**KIỂM TRA KIẾN THỨC TUẦN 33**

**A. ĐẠI SỐ**

1. Phương trình  có hai nghiệm:

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

1. Phương trình  có hai nghiệm:

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

1. Phương trình  có hai nghiệm:

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

1. Phương trình nào trong các phương trinh sau có hai nghiệm phân biệt. Hãy chọn câu **sai**:

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

1. Cho phương trình . Không giải phương trình tính tổng và tích các nghiệm. Hãy chọn câu đúng:

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

1. Cho phương trình . Không giải phương trình tính tổng và tích các nghiệm. Hãy chọn câu đúng:

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

1. Hãy chọn câu đúng:

**A.** Phương trình  có nghiệm là: 

**B.** Phương trình  có nghiệm là: 

**C.** Phương trình  có nghiệm là: 

**D.** Phương trình  có nghiệm là: 

1. Cho phương trình . Hãy chọn câu **sai:**

**A.**  **B.** Phương trình có hệ số 

**C.** Ta có  **D.** Phương trình có nghiệm kép 

1. Lập phương trình bâc hai có các nghiệm là cặp số 2 và -6. Hãy chọn câu đúng:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Hãy chọn câu đúng. Tìm hai số x, y biết: 

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Cho phương trình .Hãy chọn câu sai:

**A.** ĐKXĐ:  **B.** Phương trình đã cho tương đương với phương trình  **C.** Ta có  **D.** Vậy phương trình có hai nghiệm: 

1. Cho phương trình .Hãy chọn câu sai:

**A.** Đặt 

**B.** Ta có phương trình: 

**C.** Vì  nên ta có hai nghiệm 

**D.** Vậy 

1. Một phòng học có một số dãy ghế tổng cộng 32 chỗ ngồi. Do phải xếp 51 chỗ nên người ta kê thêm 1 dãy ghế và mỗi dãy thêm 1 chỗ. Hỏi lúc đầu có mấy dãy ghế trong phòng học. Hãy chọn bước giải **sai** đầu tiên:

**A.** Gọi số dãy ghế lúc đầu trong phòng học là x ( dãy; x nguyên dương)

**B.** Số người từng dãy là ( người).

**C.** Khi tăng thêm 1 dãy thì số dãy ghế sẽ là (x+1)

**D.** Theo đề bài ra, ta có phương trình: 

1. Hai vòi nước cùng chảy vào bể thì sau 6 giờ đầy bể. Nếu chảy một mình cho đầy bể thì vòi I cần nhiều hơn vòi II là 9 giờ. Hỏi mỗi vòi chảy một mình trong bao lâu thì đầy bể? Hãy chọn bước giải **sai** đâu tiên:

**A.** Gọi thời gian vòi I chảy một mình đầy bể là x ( giờ; x > 6)

**B.** Thời gian vòi II chảy một mình đầy bề là x-9 ( giờ)

**C.** Trong 1 giờ, vòi I chảy được: (bể); vòi II chảy được: (bể)

**D.** Theo đề bài ra, ta có phương trình: 

1. Một đội công nhân hoàn thành công việc với 384 ngày công thợ. Hãy tính số công nhân của đội, biết rằng nếu tăng 4 người thì số ngày để hoàn thành công việc sẽ giảm đi 8 ngày. Hãy chọn bước giải **sai** đầu tiên:

**A.** Gọi số công nhân của đội là x ( người; x: nguyên dương)

**B.** Số ngày hoàn thành công việc với x người là 

**C.** Số ngày hoàn thành công việc với (x+4) người là 

**D.** Theo đề bài ra, ta có phương trình: 

1. Cho phương trình . Tìm m để phương trình vô nghiệm. Hãy chọn câu đúng:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Cho phương trình . Tìm m để phương trình có nghiệm kép. Hãy chọn câu đúng:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Cho phương trình . Tìm m để phương trình có một nghiệm là -1. Hãy chọn câu đúng:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Cho phương trình (m là tham số): . Tìm m để phương trình có hai nghiệm phân biệt. Hãy chọn câu đúng:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Với giá trị nào của a để:  Hãy chọn câu đúng:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**B. HÌNH HỌC**

1. Hãy chọn câu **sai:**

**A.** Khi quay nửa đường tròn tâm O, bán kính R một vòn quanh đường kính AB cố định thì được một hình cầu.

**B.** Khi quay hình chữ nhật một vòng quanh một cạnh của nó ta được một hình trụ.

**C.** Khi quay tam giác cân AOC một vòng quanh cạnh OA cố định thì được một hình nón.

**D.** Khi quay tam giác AOC vuông tại O một vòng quanh cạnh góc vuông OA cố định thì được một hình nón.

1. Hãy chọn câu **sai:**

**A.** Cắt hình trụ bằng một mặt phẳng song song với đáy ta được một hình tròn có bán kính nhỏ hơn bán kính đáy.

**B.** Cắt hình trụ bằng một mặt phẳng song song với trục ta được một hình chữ nhật.

**C.** Cắt hình nón bằng một mặt phẳng song song với đáy ta được một hình tròn có bán kính nhỏ hơn bán kính đáy.

**D.** Cắt hình nón bằng mặt phẳng đi qua đường cao của nó ta được một tam giác cân.

1. Hãy chọn câu đúng.

**A.** Cắt hình trụ bằng một mặt phẳng song song với đáy ta được một hình tròn

**B.** Hình nón có độ dài đường sinh bằng chiều cao của nó.

**C.** Hình nón cụt có độ dài đường sinh bằng chiều cao của nó.

**D.** Đường cao hình nón vuông góc với đáy.

1. Hãy chọn câu **sai**:

**A.** Cắt hình nón cụt bằng mặt phẳng đi qua đường cao của nó ta được một hình thang cân.

**B.** Cắt hình cầu bằng một mặt phẳng ta được một hình tròn có bán kính bằng bán kính hình cầu.

**C.** Cắt hình cầu bằng một mặt phẳng đi qua tâm hình cầu ta được một hình tròn có bán kính bằng bán kính hình cầu.

**D.** Cắt hình cầu bằng một mặt phẳng không đi qua tâm hình cầu ta được một hình tròn có bán kính nhỏ hơn bán kính hình cầu.

1. Nếu ta gọi R là bán kính hình tròn đáy hình trụ, h là chiều cao của hình trụ, Hãy chọn câu **sai:**

**A.**  là công thức diện tích xung quanh của hình trụ.

**B.**  là công thức diện tích toàn phần của hình trụ.

**C.**  là công thức thể tính hình trụ.

**D.**  là công thức tính chiều cao của hinh trụ.

1. Nếu với hình nón ta gọi *l* là đường sinh, h là chiều cao, R là bán kính hình tròn đáy. Hãy chọn câu **sai**:

**A.**  là công thức tính diện tích xung quanh của hình nón.

**B.**  là công thức tính diện tích đáy của hình nón

**C.**  là công thức tính thể tích hình nón.

**D.** là công thức tính thể tích hình nón cụt.

1. Nếu với hình cầu ta gọi R là bán kính, d là đường kính. Hãy chọn câu sai:

**A.**  là công thức tính diện tích mặt cầu.

**B.**  là công thức tính thể tích hình cầu.

**C.** là công thức tính thể tích hình cầu.

**D.**  là công thức tính bán kính của hình cầu.

1. Bán kính của hình cầu là 2 cm thì diện tích của mặt cầu là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Đường kính của hình cầu là 2 cm thì diện tích của mặt cầu là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Bán kính của hình cầu là 2 cm thì thể tích của hình cầu là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Một hình trụ có bán kính đáy là 6 cm, chiều cao bằng 10 cm. Diện tích xung quanh của hình trụ đó là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Một hình trụ có bán kính đáy là 6 cm, chiều cao bằng 10 cm. Diện tích toàn phần của hình trụ đó là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Một hình trụ có bán kính đáy là 6 cm, chiều cao bằng 10 cm. Thể tích của hình trụ đó là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Cho hình nón có đường kính đáy là 6 cm, chiều cao bằng 8 cm. Diện tích xung quanh của hình nón đó là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Cho hình nón có bán kính đáy là 3 cm, độ dài đường sinh là 6 cm. Diện tích toàn phần của hình nón đó là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Cho hình nón có bán kính đáy là 2,5 cm, độ dài đường sinh là 5 cm. Diện tích xung quanh của hình nón đó là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Hình triển khai mặt xung quanh của một hình nón là một hình quạt. Nếu bán kính đáy của hình nón là 8 cm, số đo cung là 1200 thì độ dài đường sinh của hình nón là:

**A.** 30 cm **B.** 20 cm **C.** 10 cm **D.** 24 cm

1. Một hình trụ có bán kính đáy là 5 cm, diện tích xung quanh bằng . Khi đó chiều cao hình trụ đó là:

**A.** 5 cm **B.** 16 cm **C.** 4 cm **D.** 10 cm

1. Một hình trụ có diện tích xung quanh là , bán kính đáy là 20 cm. Chiều cao của hình trụ đó là:

**A.** 5 cm **B.** 16 cm **C.** 4 cm **D.** 10 cm

1. Một hình trụ có thể tích là , bán kính đáy là 4,5 cm. Chiều cao của hình trụ đó là:

**A.** 5 cm **B.** 16 cm **C.** 4 cm **D.** 10 cm